

ĐỀ CƯƠNG TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP CHƯƠNG DÂN CƯ

LỚP 10 – HK2 – NĂM HỌC 2022 – 2023

BÀI 19: DÂN SỐ VÀ SỰ PHÁT TRIỂN DÂN SỐ THE GIỚI

Câu 1. Dân số thế giới đạt 7 tỷ người vào năm?

- A. 2010
- B. 2011
- C. 2012
- D. 2020

Câu 2. Đặc điểm dân số thế giới hiện hay là

- A. Quy mô dân số đông và ngày càng tăng.
- B. Quy mô dân số đông và ngày càng giảm.
- C. Tốc độ gia tăng dân số đồng đều giữa các châu lục.
- D. Dân số thế giới có tốc độ gia tăng trung bình 2,1%.

Câu 3. Hiện nay, tốc độ gia tăng dân số ở mức

- A. rất cao
- B. cao
- C. trung bình
- D. thấp

Câu 4. Châu lục nào có quy mô dân số lớn nhất thế giới?

- A. Châu Âu
- B. Châu Á
- C. Châu Mỹ
- D. Châu Phi

Câu 5. Châu lục nào có quy mô dân số nhỏ nhất thế giới?

- A. Châu Âu
- B. Châu Mỹ
- C. Châu Đại Dương
- D. Châu Phi

Câu 6. Gia tăng dân số thực tế biểu thị

- A. sự gia tăng dân số của một lãnh thổ trong khoảng thời gian nhất định thường là một năm.
- B. sự gia tăng cơ học của một vùng lãnh thổ trong khoảng thời gian nhất định thường là một năm.
- C. sự gia tăng dân số tự nhiên của một vùng lãnh thổ trong khoảng thời gian nhất định thường là một năm.
- D. sự gia tăng tỉ suất sinh của một vùng lãnh thổ trong khoảng thời gian nhất định thường là một năm.

Câu 7. Quốc gia nào có dân số đông nhất thế giới?

- A. Trung Quốc
- B. Ấn Độ
- C. Mỹ
- D. Indonesia

Câu 8. Hiện tượng bùng nổ dân số thế giới diễn ra vào thời gian nào sau đây?

- A. Đầu thế kỉ XX
- B. Giữa thế kỉ XX
- C. Đầu thế kỉ XXI
- D. Cuối thế kỉ XIX.

Câu 9. Hiện tượng bùng nổ diễn ra chủ yếu ở các nhóm nước

- A. Đang phát triển
- B. Phát triển
- C. NICs
- D. G8

Câu 10. Tỉ suất sinh thô là

- A. tương quan giữa số trẻ em sinh ra trong năm còn sống so với dân số trung bình ở cùng thời điểm.
- B. tương quan giữa số người chết trong năm so với dân số trung bình ở cùng thời điểm.
- C. tương quan giữa số trẻ em sinh ra trong năm còn sống so với số phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ.
- D. tương quan giữa số trẻ em sinh ra trong năm còn sống so với số phụ nữ trung bình ở cùng thời điểm.

Câu 11. Hiệu số giữa tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô được gọi là

- A. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên.
- B. Tỉ suất gia tăng cơ học
- C. Số dân trung bình ở thời điểm đó.
- D. Tỉ suất gia tăng thực tế.

Câu 12. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên là

- A. sự tương quan giữa số trẻ em sinh ra trong năm còn sống so với dân số trung bình ở cùng thời điểm.
- B. tương quan giữa số người chết trong năm so với dân số trung bình ở cùng thời điểm.
- C. hiệu số giữa tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô.
- D. hiệu số giữa tỉ suất xuất cư và tỉ suất nhập cư.

Câu 13. Gia tăng dân số tự nhiên là biểu hiện

- A. sự thay đổi dân số do chênh lệch giữa số người xuất cư và nhập cư.
- B. sự thay đổi dân số do chênh lệch giữa số sinh và số chết.
- C. sự thay đổi dân số do sự thay đổi tỉ suất sinh.
- D. sự thay đổi dân số do sự thay đổi tỉ suất tử.

Câu 14. Năm 2020, tỉ suất sinh thô của thế giới là 18 ‰, tỉ suất tử thô của thế giới là 7‰, gia tăng dân số tự nhiên thế giới là

- A. 1,2%
- B. 1,3%
- C. 1,1%
- D. 1,4%

Câu 15. Sự chênh lệch giữa số người nhập cư và số người xuất cư được gọi là

- A. gia tăng dân số tự nhiên.
- B. gia tăng dân số thực tế.
- C. gia tăng dân số cơ học.
- D. gia tăng dân số.

Câu 16. Gia tăng dân số cơ học là biểu hiện

- A. sự biến đổi dân số do chênh lệch giữa số người đến và người đi.
- B. sự thay đổi dân số do chênh lệch giữa số sinh và số chết.
- C. sự thay đổi dân số do sự thay đổi tỉ suất sinh.
- D. sự thay đổi dân số do sự thay đổi tỉ suất tử.

Câu 17. Tỉ suất nhập cư là

- A. tương quan giữa số người nhập cư đến đến một vùng lãnh thổ trong năm so với dân số trung bình ở cùng thời điểm.
- B. tương quan giữa số trẻ em sinh ra trong năm còn sống so với dân số trung bình ở cùng thời điểm.
- C. tương quan giữa số người xuất cư đến đến một vùng lãnh thổ trong năm so với dân số trung bình ở cùng thời điểm.
- D. sự tương quan giữa số người nhập cư đến một vùng lãnh thổ trong năm so với số người xuất cư ở cùng thời điểm.

Câu 18. Dân số thế giới tăng khi

- A. tỉ suất sinh thô lớn hơn tỉ suất tử thô.
- B. tỉ suất sinh thô nhỏ hơn tỉ suất tử thô.
- C. tỉ suất sinh thô bằng tỉ suất tử thô.
- D. tỉ suất sinh thô tăng

Câu 19. Tổng số giữa tỉ suất gia tăng tự nhiên và gia tăng cơ học của một quốc gia, một vùng được gọi là

- A. Gia tăng dân số tự nhiên.
- B. Gia tăng dân số cơ học.
- C. Gia tăng dân số thực tế.
- D. Quy mô dân số toàn cầu.

Câu 20. Các nước phát triển áp dụng chính sách dân số là

- A. tăng mức sinh
- B. giảm mức sinh
- C. tăng số người xuất cư
- D. giữ mức sinh ổn định.

Câu 21. Được xem động lực phát triển dân số thế giới là

- A. gia tăng dân số tự nhiên.
- B. gia tăng dân số cơ học
- C. tỉ suất sinh thô
- D. số trẻ em sinh ra hàng năm.

Câu 22. Nhân tố nào sau đây làm cho tỉ suất sinh thô cao?

- A. Số người ngoài độ tuổi lao động cao.
- B. Phong tục tập quán lạc hậu.
- C. Trình độ phát triển kinh tế - xã hội cao.
- D. Mức sống cao.

Câu 23. Gia tăng cơ học tác động tới sự biến động dân số thế giới là

- A. làm thay đổi quy mô dân số thế giới.
- B. làm thay đổi dân số theo thời gian và khác nhau giữa các quốc gia và vùng lãnh thổ.
- C. làm tăng tỉ suất sinh.
- D. làm tăng tỉ suất tử.

Câu 24. Trên quy mô toàn cầu, gia tăng cơ học có đặc điểm là

- A. số người xuất cư lớn hơn số người nhập cư.
- B. số người xuất cư nhỏ hơn số người nhập cư.
- C. số người xuất cư tương đương số người nhập cư.
- D. làm biến động dân số thế giới.

Câu 25. Gia tăng dân số cơ học không có ảnh hưởng lớn tới vấn đề dân số của

- A. toàn thế giới
- B. châu lục
- C. khu vực
- D. quốc gia

Câu 26. Tỉ suất nhập cư của một nước hay một vùng lãnh thổ giảm là do

- A. Khí hậu ôn hòa
- B. Kinh tế phát triển
- C. Chiến tranh, thiên tai.
- D. Mức sống cao

Câu 27. Gia tăng cơ học học không có ý nghĩa đối với

- A. từng khu vực.
- B. từng quốc gia.
- C. từng vùng
- D. quy mô dân số thế giới.

Câu 28. Nhận xét nào sau đây không đúng?

- A. Tỉ suất sinh thô các nhóm nước phát triển, đang phát triển đều có xu hướng giảm.
- B. Tỉ suất sinh thô các nước phát triển thấp hơn các nước đang phát triển.
- C. Tỉ suất tử thô các nước phát triển thấp hơn các nước đang phát triển.
- D. Tỉ suất tử thô các nước phát triển cao hơn các nước đang phát triển.

Câu 29. Tỉ suất tử thô không phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?

- A. Chiến Tranh
- B. Đói nghèo
- C. Thiên tai
- D. Tự nhiên – sinh học.

Câu 30. Thông thường ở các nước có cơ cấu dân số già

- A. tỉ suất sinh thô cao.
- B. tỉ suất sinh thô thấp.
- C. số người xuất cư cao
- D. số người nhập cư cao

BÀI 20: CƠ CẤU DÂN SỐ

Câu 1. Cơ cấu dân số được chia thành hai loại chính là

- A. cơ cấu sinh học và cơ cấu theo trình độ văn hóa.
- B. cơ cấu theo giới và cơ cấu theo tuổi.
- C. cơ cấu lao động và cơ cấu theo trình độ văn hóa.
- D. cơ cấu sinh học và cơ cấu xã hội.

Câu 2. Cơ cấu dân số theo giới **không** phải biểu thị tương quan giữa giới

- A. nữ so với giới nam.
- B. nam so với tổng dân.
- C. nam so với giới nữ.
- D. nữ so với tổng dân.

Câu 3. Nhóm cơ cấu xã hội gồm

- A. cơ cấu dân số theo tuổi và cơ cấu dân số theo lao động.

- B. cơ cấu dân số theo giới và cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa.
- C. cơ cấu dân số theo giới và cơ cấu dân số theo tuổi.
- D. cơ cấu dân số theo lao động và cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa.

Câu 4. Cơ cấu dân số theo tuổi là

- A. tập hợp những nhóm người được sắp xếp theo những nhóm tuổi nhất định.
- B. tương quan giữa giới nam so với giới nữ hoặc so với tổng số dân.
- C. tập hợp những nhóm người được sắp xếp theo một nhóm tuổi nhất định.
- D. tập hợp nguồn lao động và dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.

Câu 5. Nhóm tuổi từ 0 – 14 tuổi được gọi là nhóm

- A. trong độ tuổi lao động.
- B. trên độ tuổi lao động.
- C. dưới độ tuổi lao động.
- D. độ tuổi chuẩn bị lao động.

Câu 6. Một nước có tỉ lệ dân số theo nhóm tuổi từ 0 – 14 tuổi chiếm từ 35% trở lên, nhóm từ 65 tuổi trở lên chiếm không quá 7% số dân cả nước thì được coi là nước có cơ cấu dân số

- A. trẻ.
- B. già.
- C. ổn định.
- D. vàng.

Câu 7. Theo cơ cấu dân số theo độ tuổi, nhóm trên độ tuổi lao động là

- A. 0-14 tuổi.
- B. 15- 65 tuổi.
- C. trên 65 tuổi.
- D. 0- 15 tuổi.

Câu 8. Các nước phát triển thường có cơ cấu dân số

- A. trẻ.
- B. già.
- C. ổn định.
- D. vàng.

Câu 9. Tháp dân số thường được sử dụng để nghiên cứu

- A. cơ cấu dân số theo lao động và cơ cấu dân số theo giới.
- B. cơ cấu dân số theo giới và cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa.
- C. tuổi thọ trung bình của dân cư và cơ cấu dân số theo lao động.
- D. cơ cấu dân số theo giới và cơ cấu dân số theo độ tuổi.

Câu 10. Tháp dân số được chia làm

- A. 1 loại.
- B. 2 loại.
- C. 3 loại.
- D. 4 loại.

Câu 11. Kiểu tháp có đáy nhọn, song có chiều cao lớn hơn, thể hiện tỉ suất sinh cao, tỉ suất tử thấp, tuổi thọ trung bình tăng là

- A. mở rộng.
- B. thu hẹp.

C. ổn định.

D. kết hợp.

Câu 12. Kiểu tháp thu hẹp thể hiện

A. tỉ suất sinh và tỉ suất tử thấp, tuổi thọ trung bình cao.

B. tỉ suất sinh cao, tỉ suất tử thấp, tuổi thọ trung bình tăng.

C. tỉ suất sinh cao, tỉ suất tử thấp, tuổi thọ trung bình thấp.

D. tỉ suất sinh và tỉ suất tử thấp, tuổi thọ trung bình thấp.

Câu 13. Cơ cấu dân số theo lao động là

A. tương quan tỉ lệ giữa các bộ phận lao động trong tổng số dân.

B. tương quan tỉ lệ giữa các bộ phận lao động trong tổng số lao động xã hội.

C. tương quan giữa tỉ lệ lao động theo các khu vực kinh tế trong tổng số dân.

D. Tương quan tỉ lệ giữa các nhóm lao động trong các ngành kinh tế quốc dân.

Câu 14. Nguồn lao động là bộ phận dân số

A. trong độ tuổi lao động có khả năng lao động và những người ngoài độ tuổi lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân.

B. trong độ tuổi lao động và có khả năng lao động.

C. ngoài độ tuổi lao động và có khả năng lao động.

D. có khả năng lao động.

Câu 15. Hiện nay, nguồn lao động được chia thành

A. 2 nhóm.

B. 3 nhóm.

C. 4 nhóm.

D. 5 nhóm.

Câu 16. Học sinh, sinh viên được xếp vào nhóm nào trong nguồn lao động?

A. Nhóm dân số hoạt động kinh tế thường xuyên.

B. Nhóm dân số hoạt động kinh tế không thường xuyên.

C. Nhóm dân số không hoạt động kinh tế.

D. Nhóm dân số hoạt động kinh tế.

Câu 17. Hoạt động kinh tế nào sau đây **không** thuộc khu vực I?

A. Nông nghiệp.

B. Lâm nghiệp.

C. Dịch vụ.

D. Ngư nghiệp.

Câu 18. Hoạt động kinh tế nào sau đây thuộc khu vực II?

A. Công nghiệp.

B. Nông nghiệp.

C. Ngư nghiệp.

D. Lâm nghiệp.

Câu 19. Loại cơ cấu dân số nào thể hiện được trình độ dân trí và học vấn của dân cư ở một quốc gia?

A. Cơ cấu dân số theo lao động.

B. Cơ cấu dân số theo giới.

C. Cơ cấu dân số theo tuổi.

D. Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa.

Câu 20. Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa thường được xác định dựa vào

- A. tỉ lệ biết chữ và số người có trình độ đại học.
- B. tỉ lệ biết chữ và số năm đi học trung bình.
- C. số năm đi học trung bình và tỉ lệ mù chữ.
- D. tỉ lệ dân số được đào tạo tay nghề và tỉ lệ mù chữ.

Câu 21. Sức sản xuất cao nhất của xã hội tập trung ở nhóm tuổi

- A. dưới tuổi lao động.
- B. trong tuổi lao động.
- C. trên tuổi lao động.
- D. dưới và trên tuổi lao động.

Câu 22. Loại cơ cấu dân số nào thể hiện được tình hình sinh tử, tuổi thọ, khả năng phát triển dân số và nguồn lao động của một quốc gia?

- A. Cơ cấu dân số theo lao động.
- B. Cơ cấu dân số theo giới.
- C. Cơ cấu dân số theo độ tuổi.
- D. Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa.

Câu 23. Cơ cấu dân số theo trình độ văn hoá phản ánh

- A. trình độ dân trí và học vấn của dân cư.
- B. tỉ lệ người biết chữ trong xã hội.
- C. số năm đến trường trung bình của dân cư.
- D. đời sống văn hóa và trình độ dân trí của dân cư.

Câu 24. Cơ cấu dân số được phân ra thành hai loại chính là

- A. sinh học và trình độ.
- B. giới và tuổi.
- C. lao động và trình độ.
- D. sinh học và xã hội.

Câu 25. Loại cơ cấu dân số nào sau đây **không** thuộc nhóm cơ cấu xã hội?

- A. cơ cấu dân số theo nhóm tuổi.
- B. cơ cấu dân số theo lao động.
- C. cơ cấu dân số theo dân tộc.
- D. cơ cấu dân số theo ngôn ngữ, tôn giáo.

Câu 26. Dân số lao động là

- A. người lao động có một nghề nghiệp.
- B. những người lao động có thu nhập.
- C. những người lao động có hưởng lương.
- D. những người trong độ tuổi lao động

Câu 27. Cơ cấu sinh học của dân số gồm cơ cấu theo

- A. lao động và theo giới.
- B. lao động và theo tuổi.
- C. tuổi và theo trình độ.
- D. tuổi và theo giới.

Câu 28. Cơ cấu dân số theo giới tính **không** ảnh hưởng tới

- A. sự phát triển kinh tế.
- B. tổ chức đời sống xã hội.
- C. hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của một nước.
- D. trình độ văn hóa của người dân.

Câu 29. Nhận định nào sau đây **không** đúng về cơ cấu dân số theo giới tính?

- A. Biến động theo thời gian và khác nhau ở từng nước, từng khu vực.
- B. Ở các nước phát triển, nữ thường nhiều hơn nam.
- C. Ở các nước đang phát triển, nam thường nhiều hơn nữ.
- D. Là sự tương quan giữa những người cùng độ tuổi so với tổng số dân.

Câu 30. Nhân tố nào sau đây **không** ảnh hưởng đến cơ cấu theo giới?

- A. Tuổi thọ.
- B. Thiên tai.
- C. Chuyển cư.
- D. Kinh tế.

Câu 31. Nguyên nhân nào sau đây có tác động mạnh mẽ nhất làm cho ở các nước phát triển có nữ nhiều hơn nam?

- A. Kinh tế.

- B. Tuổi thọ.
- C. Tự nhiên.
- D. Tập quán.

Câu 32. Đặc trưng nào sau đây **không** đúng với các nước có cơ cấu dân số già?

- A. Tỷ lệ số dân dưới 15 tuổi thấp và tiếp tục giảm.
- B. Tỷ lệ phụ thuộc ngày càng lớn.
- C. Thiếu lao động, nguy cơ suy giảm dân số.
- D. Nhu cầu về giáo dục, sức khỏe sinh sản vị thành niên lớn.

Câu 33. Đặc trưng nào sau đây **không** đúng với các nước có cơ cấu dân số trẻ?

- A. Tỷ lệ dân số phụ thuộc ít.
- B. Tỷ lệ dân số dưới 15 tuổi rất cao.
- C. Nguồn lao động dự trữ dồi dào.
- D. Việc làm, giáo dục là vấn đề nan giải.

Câu 34. Cơ cấu dân số thể hiện được tình hình sinh tử, tuổi thọ, khả năng phát triển dân số và nguồn lao động là

- A. cơ cấu dân số theo độ tuổi.
- B. cơ cấu dân số theo giới.
- C. cơ cấu dân số theo lao động.
- D. cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa.

Câu 35. Một nước có tỉ lệ nhóm tuổi từ 0 - 14 tuổi là dưới 25 %, nhóm tuổi 60 trở lên là trên 15% thì được xếp là nước có

- A. Dân số trẻ.
- B. Dân số già.
- C. Dân số trung bình.
- D. Dân số cao.

Câu 36. Một nước có tỉ lệ nhóm tuổi từ 0 - 14 tuổi là trên 35%, nhóm tuổi 60 tuổi trở lên là dưới 10% thì được xếp là nước có

- A. Dân số trẻ.
- B. Dân số già.
- C. Dân số trung bình.
- D. Dân số cao.

Câu 37. Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa thường dùng làm một tiêu chuẩn để đánh giá

- A. nguồn lao động của một nước.
- B. tốc độ phát triển kinh tế của một nước.
- C. chất lượng cuộc sống ở một nước.
- D. khả năng phát triển dân số một nước.

Câu 38. Cơ cấu dân số trẻ thể hiện

- A. tỉ lệ sinh thấp.
- B. tuổi thọ trung bình thấp.
- C. tỉ lệ tử thấp.
- D. thiếu nguồn lao động.

BÀI 3: PHÂN BỐ DÂN CƯ VÀ ĐÔ THỊ HOÁ

Câu 1. Tiêu chí nào sau đây được sử dụng để thể hiện tình hình phân bố dân cư?

- A. Quy mô số dân.
- B. Mật độ dân số.
- C. Cơ cấu dân số.
- D. Loại quần cư.

Câu 2. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với phân bố dân cư trên thế giới?

- A. Không đều trong không gian.
- B. Có biến động theo thời gian.
- C. Hiện tượng xã hội có quy luật.
- D. Hình thức biểu hiện quần cư.

Câu 3. Nguyên nhân nào sau đây có tính quyết định đến phân bố dân cư?

- A. Trình độ phát triển sản xuất.

B. Tính chất của ngành sản xuất.

C. Các điều kiện của tự nhiên.

D. Lịch sử khai thác lãnh thổ.

Câu 4. Khu vực có mật độ dân số cao nhất thế giới hiện nay là

A. Tây Âu.

B. Đông Á.

C. Ca-ri-bê.

D. Nam Âu.

Câu 5. Khu vực có mật độ dân số thấp nhất thế giới hiện nay là

A. Trung Phi.

B. Bắc Mỹ.

C. châu Đại Dương.

D. Trung - Nam Á.

Câu 6. Khu vực nào sau đây ở châu Á có mật độ dân số cao nhất?

A. Đông Á.

B. Đông Nam Á.

C. Trung - Nam Á.

D. Tây Á.

Câu 7. Khu vực nào sau đây ở châu Á có mật độ dân số thấp nhất?

A. Đông Á.

B. Đông Nam Á.

C. Trung - Nam Á.

D. Tây Á.

Câu 8. Khu vực nào sau đây ở châu Phi có mật độ dân số thấp nhất hiện nay?

A. Bắc Phi.

B. Tây Phi.

C. Đông Phi.

D. Nam Phi.

Câu 9. Khu vực nào sau đây ở châu Phi có mật độ dân số cao nhất hiện nay?

A. Bắc Phi.

B. Tây Phi.

C. Đông Phi.

D. Nam Phi.

Câu 10. Khu vực nào sau đây ở châu Âu có mật độ dân số cao nhất hiện nay?

A. Bắc Âu.

B. Đông Âu.

C. Nam Âu.

D. Tây Âu.

Câu 11. Khu vực nào sau đây ở châu Âu có mật độ dân số thấp nhất hiện nay?

A. Bắc Âu.

B. Đông Âu.

C. Nam Âu.

D. Tây Âu.

Câu 12. Khu vực nào sau đây ở châu Mỹ có mật độ dân số cao nhất hiện nay?

A. Bắc Mỹ.

B. Ca-ri-bê.

C. Nam Mỹ.

D. Trung Mỹ.

Câu 13. Khu vực nào sau đây ở châu Mỹ có mật độ dân số thấp nhất hiện nay?

A. Bắc Mỹ.

B. Ca-ri-bê.

C. Nam Mỹ.

D. Trung Mỹ.

Câu 14. Châu lục nào sau đây có tỉ trọng lớn nhất trong dân cư toàn thế giới?

A. Á.

B. Âu.

B. Mỹ.

D. Phi.

Câu 15. Châu lục nào sau đây có tỉ trọng nhỏ nhất trong dân cư toàn thế giới?

A. Phi.

B. Đại Dương,

C. Âu.

D. Mỹ.

Câu 16. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ảnh hưởng của đô thị hoá đến phát triển kinh tế - xã hội?

A. Góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế.

B. Góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

C. Làm ổn định lâu dài tình hình phân bố dân cư.

D. Làm thay đổi các quá trình hôn nhân ở đô thị.

Câu 17. Hoạt động có tác động trực tiếp đến việc phát triển đô thị hoá là

- A. công nghiệp.
- B. giao thông vận tải.
- C. du lịch.
- D. thương mại.

Câu 18. Các quốc gia, khu vực nào sau đây có dân số tập trung đông đúc vào loại hàng đầu thế giới?

- A. Ấn Độ, Trung Quốc, Tây Âu.
- B. Ấn Độ, Trung Quốc, Bắc Mỹ.
- C. Trung Quốc, Tây Âu, Đông Nam Á.
- D. Trung Quốc, Tây Âu, Tây Nam Á.

Câu 19. Các khu vực nào sau đây có dân cư thưa thớt?

- A. Bắc Phi, Tây Ô-xtrây-li-a.
- B. Tây Ô-xtrây-li-a, Bắc Mỹ.
- C. Nam Mỹ, Nam Phi.
- D. Nam Phi, Nam Âu.

Câu 20. Yếu tố có tính quyết định đến việc phân cư trên thế giới không đều là sự khác nhau về

- A. phát triển kinh tế - xã hội.
- B. tâm lí, phong tục tập quán,
- C. các điều kiện thiên nhiên.
- D. lịch sử quần cư, chuyển cư.

Câu 21. Dân cư thường tập trung đông đúc ở khu vực nào sau đây?

- A. Đồng bằng phù sa màu mỡ.
- B. Các nơi là địa hình núi cao.
- C. Các bồn địa và cao nguyên.
- D. Thượng nguồn các sông lớn.

Câu 22. Hoạt động sản xuất nào sau đây có dân cư tập trung đông đúc?

- A. Trồng cây hoa màu.
- B. Trồng cây lúa nước.
- C. Khai thác khoáng sản.
- D. Khai thác lâm sản.

Câu 23. Sự việc nào sau đây **không** được thúc đẩy nhanh bởi đô thị hoá?

- A. Tốc độ tăng trưởng kinh tế.
- B. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- C. Sự thay đổi phân bố dân cư.
- D. Giảm sức ép tới môi trường.

Câu 24. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm của đô thị hoá?

- A. Là một quá trình về văn hoá - xã hội.
- B. Quy mô và số lượng đô thị tăng nhanh.
- C. Tăng nhanh sự tập trung dân thành thị.
- D. Lối sống thành thị phổ biến rộng rãi.